

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-3-2025

*“v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo và bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 525/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1994; địa chỉ: Số G, ngõ A, đường T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1995; Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc H1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 18/01/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng nhau tại thôn Đ, xã T, huyện N. Tháng 11/2018, anh H1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời

gian đầu, anh H1 vẫn thường xuyên liên lạc về cho chị. Tháng 12/2018, chị đưa con về nhà bố mẹ để ở và nhờ bố mẹ chị chăm sóc cháu để chị đi làm. Đầu năm 2019, chị và mẹ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh H1 nghe lời mẹ nên vợ chồng chị đã xảy ra cãi vã. Đầu năm 2020, anh H1 không gọi điện về cho chị nữa. Từ khi đi, anh H1 không gửi tiền về để chị nuôi con, không quan tâm đến mẹ con chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 chung là Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 16/8/2018. Hiện cháu N đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị xin được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị L không cung cấp được địa chỉ của anh Nguyễn Ngọc H1 ở Hàn Quốc nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh H1. Bà Vũ Thị B (là mẹ đẻ anh H1) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh H1 vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H1 biết. Anh H1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị L xin ly hôn, anh H1 đồng ý. Về con chung: Anh H1 xác định vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung là Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 16/8/2018 cho chị L nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con, anh nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt. Bị đơn anh H1 vắng mặt, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Nguyễn Ngọc H1. Về con chung: Giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 16/8/2018 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ của anh H1 tại Hàn Quốc. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị L và gia đình anh H1 cung cấp địa chỉ, nhưng chị L và gia đình anh H1 không cung cấp được. Bà Vũ Thị B là mẹ đẻ anh H1 xác định anh H1 vẫn thường xuyên liên lạc với bà, chị L có đơn xin ly hôn, anh H1 đã biết nhưng không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị L vắng mặt và có quan điểm xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh H1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Ngọc H1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 18/01/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị L xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do từ khi đi nước ngoài, anh H1 không quan tâm đến mẹ con chị. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn liên lạc với nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, thông qua gia đình anh H1 có quan điểm đồng ý ly hôn chị L. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh H1 đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị L được ly hôn anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Ngọc H1 có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 16/8/2018, hiện đang ở cùng chị L. Sau khi ly hôn, chị L và anh H1 đều có quan điểm giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con, anh H1 nhất trí. Xét thấy sự thỏa thuận của chị L và anh H1 là tự nguyện, phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Nguyễn Ngọc H1.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị L được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 16/8/2018 kể từ tháng 03/2025 cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) do anh Nguyễn Xuân H nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0005208 ngày 09 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Ngọc H1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Tân Quang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chát